

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/DS-PT

Ngày: 26 - 02 - 2024

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Thơ

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 266/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2024/QĐPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Hồng H, sinh năm 1992, (xin vắng);

Nguyễn Văn B, sinh năm 1991, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1963, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị K, sinh năm 1965, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng:

4.1. Trần Quốc T, sinh năm 1964, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Nguyễn Hoàng Á, sinh năm 1962, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4.3. Phạm Kỳ P, sinh năm 1951, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4.4. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4.5. Nguyễn Văn R, sinh năm 1959, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Người kháng cáo: Bị đơn - Ông Nguyễn Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo án sơ thẩm:**

- *Nguyên đơn - chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B trình bày:*

Chị H và anh B là chủ quyền sử dụng đất thửa đất số 491, tờ bản đồ số 11, diện tích 857,1m², loại đất trồng cây hàng năm, địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08364 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn B. Nguồn gốc thửa đất này là của ông nội chị H tên Nguyễn Văn Đ cho cha chị H là Nguyễn Văn T2, sau khi ông T2 mất thì mẹ chị H là bà Nguyễn Thị K làm thủ tục thừa kế đứng tên phần đất này. Đầu năm 2021 thì mẹ chị H đã làm thủ tục tặng cho chị H và anh B.

Trong thửa đất số 491 có phần đất diện tích 183,4m² ông H1 đang quản lý, sử dụng, anh chị không biết ông H1 quản lý đất khi nào chỉ nghe bà K nói lại. Khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh chị có yêu cầu ông H1 trả lại phần đất có diện tích 183,4m² có chiều ngang hướng Tây là 2m, chiều ngang hướng Đông là 8,5m, chiều dọc thửa đất khoảng 26m thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 11, diện tích 857,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị H, anh B đang đứng tên nhưng ông H1 không trả.

Nay chị H, anh B yêu cầu ông H1 trả lại phần đất diện tích 107,5m² thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 11, diện tích 857,1m², loại đất trồng cây hàng năm, địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08364 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn B.

- *Bị đơn - ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Trước đây, cha ông tên Nguyễn Văn Đ có cho ông T2 phần đất khoảng 6 sào rưỡi, cho ông 183,4m² (phần đất đang tranh chấp) vào năm 1998. Khi đó cha ông cho đất xong thì đất ai nấy canh tác, phần đất của ông T2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất còn lại của ông thì không đủ 500m² nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông canh tác đất từ năm 1998 đến nay. Khi ông T2 mất, ông không biết bà K đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm luôn phần đất ông canh tác.

Năm 2019, ông mới biết đất ông canh tác nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K, ông có khiếu nại địa chính thì địa chính xã có xác nhận đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K. Ông có yêu cầu bà K làm thủ tục sang tên đất cho ông, bà K không thực hiện mà con sang tên qua cho con gái.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H và anh B do đất này là của ông. Ông canh tác từ năm 1998 đến nay nhưng không có đóng thuế do đất của ông canh tác không đủ 05 sào.

Ông có yêu cầu khởi kiện phản tố:

Yêu cầu công nhận cho ông quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 107,5m², thuộc thửa 289, tờ bản đồ số 11, tại ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang, loại đất trồng cây hàng năm.

Đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy để thu hồi điều chỉnh nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Hồng H, ông Nguyễn Văn B đối với diện tích đất đã cấp nhầm 107,5m².

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị K trình bày:

Phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 491 có nguồn gốc do chồng của bà là Nguyễn Văn T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2007 ông T2 mất, năm 2017 bà làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà có yêu cầu địa chính huyện tiến hành đo đất rồi mới được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này bà mới tặng cho lại con gái và con rể là Nguyễn Hồng H và Nguyễn Văn B.

Phần đất tranh chấp ông H1 canh tác từ khoảng năm 2005 – 2006 đến nay, do ông H1 chửi ông T2 nên ông T2 mới đồng ý cho ông H1 canh tác 01 sào rưỡi đất, bà không đồng ý nhưng bà không dám cãi ý của chồng. Khi ông T2 cho ông H1 canh tác chỉ cho miệng để ông H1 không chửi chứ không có làm giấy tờ gì cả, không có nói cho làm đến khi nào và cũng không có cho ông H1 phần đất này.

Thửa đất 491 này sau khi ông T2 mất thì bà đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Bà không dám đòi lại phần đất đang tranh chấp do ông H1 chửi bà quá nhiều khi còn hành hung bà, sau này bà đã cho vợ chồng con gái nên bà để cho vợ chồng con gái toàn quyền quyết định.

- Người làm chứng - ông Trần Quốc T trình bày:

Ông không có mối quan hệ họ hàng với chị H và ông H1. Ông làm Trưởng ấp N từ năm 2011 – 2018, ông được biết phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Đ là ba của ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn T2. Ông có biết đất của ông H1 là một thửa đất nối liền bên kia con rạch ông H1 cất nhà kèm con rạch nhỏ qua con rạch một phần đất nhỏ. Sau khi Nhà nước mở rộng con rạch và làm lộ mới tách đất ông H1 làm 02 phần riêng biệt. Ông biết ông H1 canh tác đất này trên 20 năm, ông có được biết ông H1 có đi đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần đất tranh chấp nhưng được không thì ông không biết.

- Người làm chứng - ông Nguyễn Hoàng Á trình bày:

Ông là anh em chú bác với ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn T2, ông vai anh. Thời điểm năm 1980 – 2004 ông là Công an đặc cách ấp N. Ông có biết khi ông Đ chia đất cho ông T2 và ông H1, đất của ông H1 ít hơn đất ông T2 nên ông H1 đòi ông Đ chia thêm đất. Ông đứng vai anh nên có nhờ ông kéo đo đất cho ông H1, ông nhớ là ông đo 220m² cho đất ông H1 từ đất ông T2 đang làm để đủ 1 công 2, ông T2 thì 1 công 3. Ông đo đất cho ông H1 vào năm 2001 có sự chứng kiến của ông Đ, ông T2, ông H1.

Từ khi chia đất thì ông H1 canh tác đất cho đến nay, còn việc đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ai đứng tên thì ông không rõ nhưng năm 2001 ông kéo đo đất cho ông H1 thì ông Đ vẫn đứng tên.

- Người làm chứng - ông Phạm Kỳ P trình bày:

Ông là hàng xóm với chị H và ông H1, hiện tại ông đang canh tác đất giáp với đất chị H và ông H1 đang tranh chấp. Ông biết ông H1 canh tác phần đất này khoảng trên 20 năm, theo ông biết đất này của ông Đ cho ông H1, phần đất này trước đây ông Đ cho ông T2 (em ruột ông H1) nhưng ông T2 được cho đất nhiều nên ông H1 mới xin cha ông thêm phần đất đang tranh chấp.

Phần đất này từ xưa là nằm bên kia rạch, trước là con đường 1 mét, sau Nhà nước mở rộng lộ lên 3 mét như hiện nay. Ông chưa từng thấy chị H canh tác phần đất tranh chấp. Ông có nghe nói ông H1 có đi đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đất chỉ có một sào mấy nên không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được.

- Người làm chứng - bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà là cô ruột của Nguyễn Hồng H và là em ruột ông Nguyễn Văn H1. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông T2 là ba ruột của H, đất này ông T2 canh tác từ lúc ba của bà còn sống đến năm 2004 ông T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H1 cứ kiếm chuyện chửi ông Tăng h nên ông T2 cùng ông Á mới kéo đo đất lại cho ông H1 khoảng 1,7 – 1,8 sào, việc cho lại đất ông H1 là ông Đ đã mất rồi. Ông Tăng đo đất cho ông H1 chứ không có sang tên vẫn do ông T2 đứng tên. Bà nhớ ông Tăng c cho ông H1 làm hết đời ông H1 thì trả lại, bà nghe ông T2 nói lại như vậy chứ không có giấy tờ gì cả.

- Người làm chứng - ông Trần Văn R1 trình bày:

Ông không có quan hệ họ hàng gì với ông H1, chị H, anh B và chỉ là hàng xóm láng giềng. Ông có đất giáp ranh với phần đất tranh chấp giữa ông H1 với anh B, chị H. Theo ông được biết cách nay hơn 20 năm (năm nào thì ông không nhớ rõ) cha ông H1 và ông T2 có cắt cho một phần đất khoảng 2 sào mấy từ đất ông T2 đang canh tác sang cho ông H1. Từ thời điểm đó cho đến nay ông thấy ông H1 là người trực tiếp canh tác 2 sào mấy đất đó cho đến nay. Ông không thấy anh B, chị H canh tác phần đất này.

* Bản án Dân sự sơ thẩm số 266/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 165, Điều 166, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 trả lại cho chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B phần đất có diện tích 107,5m² thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 11, diện tích 857,1m², loại đất trồng cây hàng năm, địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08364 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn B.

(Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Hồng H, anh Nguyễn Văn B hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H1 giá trị cây trồng trên đất với số tiền 1.338.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu công nhận cho ông Nguyễn Văn H1 quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích

107,5m² thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 11, diện tích 857,1m², loại đất trồng cây hàng năm, địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08364 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn B.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 15 tháng 8 năm 2023, bị đơn Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị K trả lại ông thửa đất mà bà K đã xác nhập.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1; công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 107,5m² thuộc thửa 289, tờ bản đồ 11, tại địa chỉ ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn H1.

- Anh Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị K không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Hồng H và những người làm chứng Trần Quốc T, Nguyễn Hoàng A, Phạm Kỳ P, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn R có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Phần đất các bên tranh chấp có diện tích 107,5m², trong đó có 35,2m² thuộc hành lang bảo vệ kênh, nằm trong tổng diện tích 857,1m² thuộc thửa 491, tờ bản đồ 11, loại đất trồng cây hàng năm, địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08364 do Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/01/2021 cho chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B.

Căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện G cung cấp thể hiện nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Đ gồm các thửa: Thửa 1312, diện tích 820m² đất lúa màu; thửa 1323 diện tích 3.080m² đất thổ quả; thửa 1491 diện tích 3.360m² đất lúa + màu, cùng tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ông Đ lúc còn sống đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 104 QSDĐ ngày 10/9/1996. Năm 2004 ông Đ mất, các con ông Đ làm thủ tục nhận thừa kế đối với các thửa đất nêu trên, cụ thể như sau:

- Thửa 1312 chuyển quyền cho ông Nguyễn Văn T2 diện tích 820m² số thửa là 1312;

- Thửa 1491 giảm 377m² do nạo vét kinh và được chuyển quyền cho Nguyễn Thị T1 diện tích 2.001m², số thửa là 1491; phần còn lại của thửa 1491 chuyển quyền cho ông Nguyễn Văn H1 982m² có số thửa mới là thửa 1617;

- Thửa 1323 giảm 80m² do đo đạc thực tế và đã chuyển quyền cho Nguyễn Văn T3 2.393m² đất thổ + quả, số thửa là 1323; phần còn lại của thửa 1323 chuyển quyền cho ông Nguyễn Văn T2 diện tích 607m² có số thửa mới là 1616.

Căn cứ biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp thông tin: “Năm 2020 ông Nguyễn Văn H1 có làm đơn xác nhận yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11, diện tích 183,4m², loại đất trồng cây hàng năm khác tại ấp N, xã Đ. Ủy ban nhân dân xã Đ có xác nhận cho ông H1 để ông H1 đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do trên bản đồ lưu trữ thông tin thể hiện thửa đất số 289 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông H1 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ký hợp đồng đo đạc thì được biết phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kiều. Do đó thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11, diện tích 183,4m² mà ông H1 nêu lên là không có” (bút lục 141).

Biên bản xác minh tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện G cung cấp thông tin: “Thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 11, diện tích 820m² đất màu tại ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00442 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/7/2004 cho ông Nguyễn Văn T2. Khi đo đạc thành lập bản đồ địa chính chính qui thì tách thành 02 thửa 288 và 289, tờ bản đồ số 11. Đến năm 2017 bà Nguyễn Thị K yêu cầu đo đạc để thực hiện thủ tục thừa kế thì nhập thửa 288 và 289, tờ bản đồ số 11 thành thửa 491, tờ bản đồ số 11 do bà K yêu cầu nhập thành 01 thửa theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16/5/2017” (bút lục 147).

Tại phiên tòa, chị H, anh B và bà K cho rằng ông H1 được ông Tăng chồng bà K cho canh tác phần đất 107,5m² từ khoảng năm 2005 – 2006 nhưng ông T2 không cho ông H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên, ông T2 mất thì bà K làm thủ tục nhận thừa kế, sau đó tặng cho

anh B và chị H, việc nhận thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai, ông H1 biết rõ nhưng không khiếu nại. Xét lời trình bày của chị H, anh B và bà K phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Còn việc ông H1 cho rằng ông được ông Đ và ông T2 cho đất canh tác từ năm 1998 cho đến nay là không có cơ sở vì bà K, anh B, chị H không thừa nhận, mà ông H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Việc ông H1 có đơn phản tố yêu cầu công nhận cho ông H1 được quyền sử dụng đất diện tích đất tranh chấp, đồng thời đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy thu hồi điều chỉnh nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H, anh B là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật.

Từ những nhận định như đã nêu trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của ông H1 là không có căn cứ. Ông H1 kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới, do vậy yêu cầu kháng cáo của ông H1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Xét thấy ông H1 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng ở giai đoạn sơ thẩm ông H1 không có đơn xin miễn án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 có bổ sung đơn xin miễn án phí, vì vậy Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí do có tình tiết mới phát sinh.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 266/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang về án phí.

Căn cứ các Điều 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 165, 166, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B.

- Buộc ông Nguyễn Văn H1 trả lại cho chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B phần đất có diện tích 107,5m² thuộc thửa 491, tờ bản đồ số 11, diện tích 857,1m², loại đất trồng cây hàng năm, địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08364 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn B (Có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B đồng ý hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H1 giá trị cây trồng trên đất là 1.338.000 đồng (Một triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn đồng).

- Kể từ ngày ông Nguyễn Văn H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 về việc: Yêu cầu công nhận cho ông Nguyễn Văn H1 quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 107,5m² thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 11, diện tích 857,1m², loại đất trồng cây hàng năm, địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08364 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn B; Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi điều chỉnh nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn B đối với diện tích đất cấp nhầm là 107,5m².

2/- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H1 được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H1 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0026630 ngày 11/11/2022 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011599 ngày 15/8/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Văn B 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005888 ngày 04/01/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 14 giờ ngày 26/02/2024, có mặt ông H1 và anh B, bà K. Vắng chị H.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. G;
- CCTHADS H. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn (Thẩm)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy